

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXX-ST ngày 18/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Duy N, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Nh, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(anh N có mặt, chị Nh vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Duy N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Duy N kết hôn với Chị Vũ Thị Nh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q

và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, tháng 01/2019 chị Nh đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Q, xã Q sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Anh N trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/6/2012 và Nguyễn Xuân Q sinh ngày 03/5/2014. Ly hôn anh N đề nghị anh nuôi cháu Nguyễn Xuân Th để chị Nh nuôi cháu Nguyễn Xuân Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay anh N làm lao động tự do thu nhập 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Chị Vũ Thị Nh vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Xuân Th ngày 10/8/2021 thể hiện:

Cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/6/2012 là con đẻ của Chị Vũ Thị Nh và anh Nguyễn Xuân Duy N. Từ khi anh N, chị Nh ly thân thì cháu T ở cùng chị Nh và gia đình bà H. Hiện cháu T đang học lớp 4A2, Trường Tiểu học xã Q. Nay anh N, chị Nh ly hôn thì cháu T có nguyện vọng ở với anh N.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Xuân Q ngày 10/8/2021 thể hiện:

Cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 03/5/2014 là con đẻ của Chị Vũ Thị Nh và anh Nguyễn Xuân Duy N. Từ khi anh N, chị Nh ly thân thì cháu Q ở cùng chị Nh và gia đình bà H. Hiện cháu T đang học lớp 2A2, Trường Tiểu học xã Q. Nay anh N, chị Nh ly hôn thì cháu Q có nguyện vọng ở với chị Nh.

- Tại biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị Nh), địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Anh Nguyễn Xuân Duy N và Chị Vũ Thị Nh là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh N, chị Nh sống tại thôn A, xã Q, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị Nh có mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp. Năm 2019 chị Nh đã đưa con về gia đình bà ở cho đến nay. Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng anh N, chị Nh có 02 con chung như anh N trình bày, ly hôn bà đề nghị giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu Q cho chị Nh nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng anh N, chị Nh không có tài sản chung.

Chị Nh đăng ký hộ khẩu tại thôn Q, xã Q, huyện Quỳnh Phụ. Hiện nay chị Nh làm nghề lao động tự do không cố định địa chỉ nhưng chị Nh thường xuyên liên lạc về gia đình bà H. Gia đình bà đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho chị Nh, bà đã nhận thay và thông báo, giao cho chị Nh biết. Quan điểm của chị Nh về việc anh N xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị

Nh xin nuôi cháu Nguyễn Xuân Q, để anh N nuôi cháu Nguyễn Xuân T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Anh Nguyễn Xuân Duy N và Chị Vũ Thị Nh là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 23/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh N. Quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị Nh có mâu thuẫn. Năm 2019 chị Nh đã đưa con về nhà bố mẹ để ở xã Q sinh sống cho đến nay. Nay anh N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh N, chị Nh. Về con chung: Vợ chồng anh N, chị Nh có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/6/2012 và Nguyễn Xuân Q sinh ngày 03/5/2014, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của hai bên để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Nguyễn Xuân Duy N và Chị Vũ Thị Nh là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh N, chị Nh được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc anh N đề nghị ly hôn nhưng chị Nh không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ chị Nh không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, xử cho anh được ly hôn chị Nh là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Xuân Duy N và Chị Vũ Thị Nh có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/6/2012 và Nguyễn Xuân Q sinh ngày 03/5/2014. Ly hôn, anh N đề nghị nhận nuôi cháu Nguyễn Xuân Th để chị Nh nuôi cháu Nguyễn Xuân Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, phía chị Nh cũng nhất trí. Cháu T cũng có nguyện vọng ở với anh N, cháu Q có nguyện vọng ở với chị Nh. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh N, chị Nh và cháu Thiên, cháu Q là chính đáng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho anh Nguyễn Xuân Duy N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/6/2012, giao cho Chị Vũ Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân Q sinh ngày 03/5/2014, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh N, chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Xuân Duy N không yêu cầu giải quyết, Chị Vũ Thị Nh không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân Duy N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Xuân Duy N được ly hôn Chị Vũ Thị Nh.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao anh Nguyễn Xuân Duy N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/6/2012, giao cho Chị Vũ Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân Q sinh ngày 03/5/2014, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh N, chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Duy N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh N đã nộp theo Biên lai thu số 0004402 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân Duy N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Vũ Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh

